

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2017/HS-ST

Ngày: 28-12-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Cải

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 378/2017/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2017/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lưu Công H, sinh năm 1974 tại: Huyện N, tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 8, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Công H1 và bà Nguyễn Thị N; có vợ Nguyễn Thị Phương L và 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21-9-2017, chuyển tạm giam từ ngày 28-9-2017 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Văn C, sinh năm 1986 tại: Thành phố N, tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 24/68 Phong Lộc Tây, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 24/68 Phong Lộc Tây, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12;

dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ L và bà Trần Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 19-01-2017 bị Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 21-9-2017, chuyển tạm giam từ ngày 28-9-2017 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Nam Định. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Chị Tường Thị P, sinh ngày 09-7-1999; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2, thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Ngõ Đ, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Chị P có mặt tại phiên tòa.

2. Chị Phạm Thị Như Q, sinh ngày 19-7-1996; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 17/745 đường T, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định. Chị Q vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Công L, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm 3, thôn P, xã L, thành phố N. Anh L vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

Chị Đỗ Thị Th
Anh Trịnh Đức Đ
Anh Tạ Vũ H
Anh Đào Đức T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 21-9-2017 Lưu Công H và Trần Văn C ngồi uống nước ở đường T, thành phố N. Đến 22 giờ cùng ngày, H rủ C đi cướp giật tài sản lấy tiền mua ma túy sử dụng, C đồng ý. Sau đó H sử dụng xe máy biển kiểm soát 18S4-3411 chở C đi quanh các tuyến phố tìm kiếm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến ngã tư đường H1 + đường H2, thành phố N, cả hai phát hiện thấy chị Đỗ Thị Th đi xe đạp chở chị Tường Thị P, trong giỏ xe đạp chị P có để một chiếc túi xách màu đen (bên trong túi có 01 chiếc điện thoại NOKIA 230 đã cũ, 02 gương trang điểm kích thước 15cm x 20cm, 01 chiếc băng quần đầu, 01 lọ xịt hiệu GLEAXUX, 01 ví màu vàng đồng và số tiền 300.000 đồng). H điều khiển xe bám theo đến trước cửa số nhà 380 đường H1, thành phố N thì tăng ga, ép sát vào phía bên trái xe đạp của chị Th, còn C dùng tay phải giật được chiếc túi xách trong giỏ xe đạp rồi bỏ chạy. Chị Th và chị P ngã xuống đường nhưng

không bị thương tích gì và đã hô hoán “Cướp”. Lúc này anh Trịnh Đức Đ đi xe máy đến khu vực đó liền đuổi theo. Khi đến khu vực bể bơi Trịnh Khánh Dư trên đường Đ, thành phố N thì C ném chiếc túi xách của chị P xuống đường, anh Tạ Vũ H đã nhặt được và giao nộp cho Công an phường Vị Xuyên. Anh Đ vừa đuổi theo vừa hô hoán, thấy vậy nên anh Đào Đức T cũng cùng đuổi theo. Đến cầu Đ, thành phố N thì cả hai đã đuổi kịp, bắt giữ được H và C, sau đó gọi Cảnh sát 113 đến đưa H và C về Công an phường Vị Xuyên lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Cơ quan công an đã thu giữ của H chiếc xe máy biển kiểm soát 18S4-3411, 01 chiếc điện thoại FPT B1080 đã cũ và 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen.

Trong giai đoạn điều tra, Lưu Công H còn khai nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 12 giờ ngày 10-9-2017, H một mình dùng xe máy biển kiểm soát 18S4-3411 đi quanh thành phố N tìm kiếm tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đi đến đầu ngõ 271 đường T, thành phố N, H nhìn thấy chị Phạm Thị Như Q đang đi xe đạp, vai đeo 01 chiếc túi màu nâu (trong túi có 01 điện thoại IPHONE 5 màu đen đã cũ và 100.000 đồng). H điều khiển xe máy vượt lên phía bên phải xe đạp của chị Q, dùng tay trái giật được chiếc túi của chị Q rồi tẩu thoát về phía đường H, thành phố N. Sau đó H đã bán chiếc điện thoại IPHONE 5 cho anh Trần Công L với giá 400.000 đồng, còn chiếc túi xách thì H đã vứt ở dọc đường. Chiếc điện thoại này anh L đã bán cho một người không quen biết nên không thu hồi được.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định đã định giá và kết luận:

- 01 chiếc túi màu đen trị giá 100.000 đồng, 01 chiếc điện thoại NOKIA 230 đã cũ trị giá 1.040.000 đồng, 02 gương trang điểm kích thước 15cm x 20cm trị giá 56.000 đồng, 01 chiếc băng quần đầu trị giá 14.000 đồng, 01 lọ xịt hiệu GLEAXUX trị giá 20.000 đồng, 01 ví màu vàng đồng trị giá 80.000 đồng. Tổng trị giá số tài sản trên là 1.140.000 đồng.

- 01 điện thoại IPHONE 5 màu đen đã cũ định giá qua hồ sơ trị giá 2.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại số tài sản bị cướp giật cho chủ sở hữu là chị Tường Thị P. Chị P đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường về dân sự và đề nghị xử lý nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Chị Phạm Thị Như Q yêu cầu bị cáo Lưu Công H bồi thường số tiền 2.600.000 đồng. Hiện tại H chưa bồi thường cho chị Q.

Chiếc xe máy biển kiểm soát 18S4-3411 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định đã xác minh là tài sản ông Nguyễn Văn Th (là bố vợ H) cho mượn, ông Th không biết việc H sử dụng chiếc xe máy để đi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe máy cho ông Thủy.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 389/QĐ-KSĐT ngày 20-11-2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C về tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C tại phiên tòa thể hiện hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm o,p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lưu Công H từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 để trả lại các tài sản đã thu giữ của bị cáo H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Lưu Công H và bị cáo Trần Văn C nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 21-9-2017; Biên bản thu giữ vật chứng; lời khai của những người làm chứng nên có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 21-9-2017, Lưu Công H và Trần Văn C đã thống nhất với nhau cùng đi cướp giật tài sản, sau đó cả hai đã sử dụng xe máy chạy áp sát và giật được 01 túi xách bên trong có chứa một số tài sản, tổng giá trị là 1.710.000 đồng của chị Tường Thị P để trong giỏ xe đạp tại đối diện số nhà 380 đường H, thành phố N rồi bỏ chạy, sau đó đã bị quần chúng nhân dân đuổi theo bắt giữ. Ngoài ra, vào 12 giờ ngày 10-9-2017 Lưu Công H còn có hành vi sử dụng xe máy chạy áp sát và giật được 01 chiếc túi bên trong có chứa 01 điện thoại và 100.000 đồng, tổng giá trị là 2.600.000 đồng của chị Phạm Thị Như Q tại đầu ngõ 271 đường T, thành phố N rồi bỏ chạy thoát.

Các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội; khi phạm tội các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe máy chạy áp sát, giật lấy tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát. Vì vậy các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C đã phạm tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp định khung tăng nặng “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C có sự bàn bạc, thống nhất từ trước và đều là người trực tiếp tham gia việc cướp giật tài sản của chị Tường Thị P nên các bị cáo là đồng phạm, tuy nhiên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức. Bị cáo H là người rủ rê, lôi kéo bị cáo C phạm tội, đồng thời còn một mình thực hiện hành vi cướp giật tài sản của chị Phạm Thị Như Q vào ngày 10-9-2017 nên cần xác định bị cáo H giữ vai trò cầm đầu trong vụ án.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; tài sản các bị cáo chiếm đoạt của chị Tường Thị P đã được thu hồi trả cho người bị hại; trong quá trình điều tra bị cáo H đã tự thú về hành vi cướp giật tài sản của chị Phạm Thị Như Q. Do vậy bị cáo H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm o và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo C được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo H có hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên thuộc trường hợp “Phạm tội nhiều lần”, bị cáo C chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản” lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do vậy cả hai bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về hình phạt:

Bị cáo Lưu Công H bị xác định có vai trò cầm đầu trong vụ án, đồng thời phải chịu trách nhiệm hình sự đối với cả hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Tuy nhiên bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức giữa của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố.

Bị cáo Trần Văn C có vai trò tham gia tích cực trong vụ án, đồng thời bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm”, do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nhưng thấp hơn bị cáo H.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C đều có hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Khi bắt giữ các bị cáo đã thu giữ 01 điện thoại di động và 01 mũ bảo hiểm, xét thấy đây là tài sản riêng của bị cáo Lưu Công H, không liên quan đến

hành vi phạm tội của các bị cáo nên sẽ trả lại cho bị cáo H nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về bồi thường thiệt hại:

Chị Tường Thị P đã được nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị Phạm Thị Như Q bị Lưu Công H chiếm đoạt 01 điện thoại IPHONE 5 đã cũ trị giá 2.500.000 đồng và số tiền 100.000 đồng. Hiện tại chị Q có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 để buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị Q số tiền 2.600.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo H sẽ còn phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án.

[9] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể như sau:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lưu Công H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường thiệt hại cho chị Phạm Thị Như Q là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136; điểm o,p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lưu Công H 05 năm tù (năm năm tù). Thời hạn tù tính từ ngày 21-9-2017.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 04 năm 06 tháng tù (bốn năm sáu tháng tù). Thời hạn tù tính từ ngày 21-9-2017.

2. Bồi thường thiệt hại:

- Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Căn cứ Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lưu Công H bồi thường thiệt hại cho chị Phạm Thị Như Q số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Phạm Thị Như Q có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Lưu Công H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Căn cứ Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

Trả lại cho bị cáo Lưu Công H 01 chiếc điện thoại FPT 1080 màu đỏ đã cũ, nắp sau đã vỡ và 01 mũ bảo hiểm xe máy màu đen đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-11-2017).

4. Án phí:

- Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

- Căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Lưu Công H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo Lưu Công H và Trần Văn C, người bị hại là chị Tường Thị P có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại là chị Phạm Thị Như Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Công Lượng (vắng mặt) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo Lưu Công H, Trần Văn C và chị Phạm Thị Như Q có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tuấn